CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101482060, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2020-03-17 09:49:01

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

HÀ NỘI, THÁNG 03 - NĂM 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch
Ông Vũ Khắc Đáp	Thành viên
Ông Đinh Văn Viện	Thành viên
Ông Trần Gia Hưng	Thành viên
Ông Phạm Hùng	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Gia Hưng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dương	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

M.S.D.N: 0101482060 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP - Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Hùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 253 / BCKT ITC - NV8

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 09/03/2020, từ trang 06 đến trang 35,* bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373-2018-126-1

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1320-2015-126-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**112.051.957.170**	**134.447.058.769**
I Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1.**	**10.256.152.265**	**14.823.191.718**
1 Tiền	111		5.231.080.565	8.823.191.718
2 Các khoản tương đương tiền	112		5.025.071.700	6.000.000.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**62.844.821.429**	**75.074.649.547**
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	38.579.177.491	47.744.085.966
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	8.223.182	8.223.182
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	27.953.001.839	31.017.921.482
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(3.695.581.083)	(3.695.581.083)
IV Hàng tồn kho	**140**	**V.7.**	**31.930.127.139**	**38.704.813.633**
1 Hàng tồn kho	141		31.930.127.139	38.704.813.633
V Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**7.020.856.337**	**5.844.403.871**
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.913.540.911	5.743.592.587
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	107.315.426	100.811.284
B TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**19.206.373.370**	**19.903.303.348**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II Tài sản cố định	**220**		**4.991.207.779**	**5.310.062.007**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	1.908.498.705	2.227.352.933
- *Nguyên giá*	222		*16.089.876.333*	*18.755.635.473*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	223		*(14.181.377.628)*	*(16.528.282.540)*
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	3.082.709.074	3.082.709.074
- *Nguyên giá*	228		*3.082.709.074*	*3.082.709.074*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	229		-	-
III Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.3.**	**14.215.165.591**	**14.593.241.341**
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.800.000.000	10.800.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.500.000.000	4.500.000.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.084.834.409)	(706.758.659)
VI Tài sản dài hạn khác	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**131.258.330.540**	**154.350.362.117**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này).

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**81.110.562.934**	**101.228.993.768**
I Nợ ngắn hạn	**310**		**81.110.562.934**	**101.228.993.768**
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	59.898.614.645	80.482.254.992
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	-	2.743.372.284
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	1.080.774.605	1.204.496.379
4 Phải trả người lao động	314		259.595.846	161.651.713
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	1.342.502.934	1.347.085.892
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14.	321.254.545	337.436.363
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	18.058.498.379	14.804.697.407
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		149.321.980	147.998.738
II Nợ dài hạn	**330**		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**50.147.767.606**	**53.121.368.349**
I Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.16.**	**50.147.767.606**	**53.121.368.349**
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*40.000.000.000*	*40.000.000.000*
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		758.266.000	758.266.000
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		3.227.330.000	3.227.330.000
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.162.171.606	9.135.772.349
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*5.554.022.084*	*5.461.705.591*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*608.149.522*	*3.674.066.758*
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**131.258.330.540**	**154.350.362.117**

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Mai Thùy Trang	Ngô Tuyết Minh	Phạm Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này).

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.1.**	**75.952.026.809**	**92.899.441.014**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**75.952.026.809**	**92.899.441.014**
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	73.542.134.835	85.735.536.425
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**2.409.891.974**	**7.163.904.589**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.070.515.955	1.536.897.995
7	Chi phí tài chính	22	VI.4.	691.888.666	797.722.266
	Chi phí lãi vay	*23*		*313.812.917*	*797.722.266*
8	Chi phí bán hàng	25		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5.	3.333.803.086	3.902.208.098
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**(545.283.823)**	**4.000.872.220**
11	Thu nhập khác	31	VI.6.	2.230.554.622	1.410.237.334
12	Chi phí khác	32	VI.7.	904.083.896	791.417.608
13	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**1.326.470.726**	**618.819.726**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**781.186.903**	**4.619.691.946**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	173.037.381	945.625.188
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**608.149.522**	**3.674.066.758**
18	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.9.**	**151,71**	**917,84**

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Mai Thùy Trang	Ngô Tuyết Minh	Phạm Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này).

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**		**781.186.903**	**4.619.691.946**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**				
	- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		318.854.228	403.939.046
	- Các khoản dự phòng	03		378.075.750	-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.461.425.046)	(1.536.897.995)
	- Chi phí lãi vay	06		313.812.917	797.722.266
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**		**330.504.752**	**4.284.455.263**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.059.879.794	7.695.138.803
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.774.686.494	9.993.760.889
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(22.805.107.416)	(23.852.462.218)
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(318.395.875)	(390.112.054)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.054.915.276)	(545.330.868)
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(19.557.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(6.013.347.527)***	***(2.834.107.185)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		390.909.091	318.181.818
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.639.693.150)	(19.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.639.693.150	19.000.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.070.515.955	583.394.761
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***1.461.425.046***	***901.576.579***
III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.116.972)	(1.146.811.668)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(15.116.972)***	***(1.146.811.668)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(4.567.039.453)**	**(3.079.342.274)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**14.823.191.718**	**17.902.533.992**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**V.1.**	**10.256.152.265**	**14.823.191.718**

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Mai Thùy Trang	Ngô Tuyết Minh	Phạm Hùng

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ hình thức Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 26/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101482060 đăng ký lần đầu ngày 20/04/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101482060 đăng ký thay đổi lần 13 ngày 08/09/2015 thì vốn điều lệ của Công ty là **40.000.000.000 VND** *(Bốn mươi tỷ đồng chẵn./.)*

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là ICI.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích, chi tiết: Hệ thống tưới tiêu (kênh); các bể chứa; hệ thống nước thải bao gồm cả sửa chữa; nhà máy sửa chữa nước thải; các trạm bơm, khoan nguồn nước;

- Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; các nhà máy lọc dầu; các xưởng hóa chất; đường thủy bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; xây dựng đường hầm; công trình thể thao ngoài trời;

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự); Lắp đặt hệ thống điện, chi tiết: lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở, công trình dân dụng và công nghiệp gồm dây dẫn, thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính, dây cáp truyền hình bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy, báo động chống trộm, tín hiệu điện, đèn phố;

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống bơm cho phòng cháy chữa cháy; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh: Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy, kim thu sét;...

Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 13 ngày 08/09/2015./.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 158 phố Hạ Đình - P. Thanh Xuân Trung - Q. Thanh Xuân - TP. Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

+ Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp Xây dựng số 1
  Địa chỉ: Thanh Xuân, Hà Nội
- Xí nghiệp Xây dựng số 5
  Địa chỉ: Thanh Xuân, Hà Nội
- Xí nghiệp Xây dựng số 7
  Địa chỉ: Thanh Xuân, Hà Nội
- Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh
  Địa chỉ: Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

+ Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC	Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp	24%	24%	24%
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3	Thanh Xuân, Hà Nội	Xây lắp	20%	20%	20%
- Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp	Thanh Xuân, Hà Nội	Tư vấn, Xây lắp	20%	20%	20%
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9 -	TP. Hồ Chí Minh	Xây lắp	20%	20%	20%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc và giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau đã được bù trừ khi tổng hợp báo cáo tài chính.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Công ty đang trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết dựa trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Công ty đang trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác dựa trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và chi phí sản xuất chung trực tiếp và phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc thiết bị	08 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi vay tiền khối lượng công trình, được ghi nhận dựa trên bảng theo dõi tiền khối lượng công trình giữa đơn vị với các đội thi công với lãi suất áp dụng

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là chi phí lãi vay tiền khối lượng công trình và chi phí công trình gói 2 - Tổng cục Cảnh sát, được ghi nhận dựa trên các bảng tính lãi vay thi công và biên bản nghiệm thu gói thầu thi công.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng và ki-ốt. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ và ghi nhận là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dựa trên thời gian cho thuê tài sản.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ hoạt động xây lắp, doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu từ bán thanh lý tài sản cố định, bán thanh lý vật tư, cho thuê thương hiệu, tiền điện nước dùng chung và các thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế và các chứng từ kế toán có liên quan.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận và kết chuyển dựa trên tỷ lệ giao khoán của từng công trình đã quy định tại Hợp đồng giao khoán và phù hợp với chi phí thực tế phát sinh.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay tiền khối lượng công trình và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với khoản thu nhập phát sinh bổ sung cho năm 2015 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 18/12/2018 của Cục thuế Thành phố Hà Nội, Công ty áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền	**5.231.080.565**	**8.823.191.718**
Tiền mặt	39.820.467	93.108.920
Tiền gửi ngân hàng	5.191.260.098	8.730.082.798
Các khoản tương đương tiền	**5.025.071.700**	**6.000.000.000**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	25.071.700	-
Cộng	**10.256.152.265**	**14.823.191.718**

2. Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Viện năng lượng	160.205.999	-	1.454.139.304	-
Cải tạo sân vận động Quốc oai	-	-	803.521.000	-
Trường Tiểu học Thành công A	-	-	6.064.987.000	-
Dự án xi măng Thái nguyên	1.989.004.424	-	1.989.004.424	-
Công trình Xí nghiệp Xây dựng số 4 thực hiện	829.720.608	-	1.349.720.608	-
Công trình Xí nghiệp Xây dựng số 5 thực hiện	1.896.032.915	-	1.703.732.379	-
Công trình Xí nghiệp Xây dựng số 7 thực hiện	3.702.404.140	-	3.529.753.140	-
Đại học Vinh	5.248.868.000	-	5.248.868.000	-
Nhà hiệu bộ - Trường Cao đẳng Hưng yên (Xí nghiệp 1)	327.783.000	-	2.667.624.000	-
Cải tạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Giai đoạn II (Xí nghiệp 1)	1.169.718.000	-	1.169.718.000	-
Chi cục thuế Quận 5 - Cục thuế TP. Hồ Chí Minh (Xí nghiệp 1)	5.542.715.818	-	5.542.715.818	-
Nhà D8-Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Xí nghiệp 1)	5.731.405.000	-	6.247.885.000	-
Công ty TNHH Vân Đồn Hạ Long (Xí nghiệp 1)	2.705.077.211	-	2.705.077.211	-
Chi cục Thuế huyện Pắc Nặm - Bắc Kạn (Xí nghiệp 1)	1.286.889.603	-	1.286.889.603	-
Các đối tượng khác	7.989.352.773	(1.782.804.861)	5.980.450.479	(1.782.804.861)
Cộng	**38.579.177.491**	**(1.782.804.861)**	**47.744.085.966**	**(1.782.804.861)**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	**10.800.000.000**	**(258.388.876)**	**10.541.611.124**	**10.800.000.000**	**-**	**10.800.000.000**
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC	6.500.000.000	-	6.500.000.000	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9	2.000.000.000	(258.388.876)	1.741.611.124	2.000.000.000	-	2.000.000.000
b) Đầu tư khác vào công cụ vốn	**4.500.000.000**	**(826.445.533)**	**3.673.554.467**	**4.500.000.000**	**(706.758.659)**	**3.793.241.341**
Công ty CP Đầu tư và Cơ giới xây dựng	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	2.000.000.000	(826.445.533)	1.173.554.467	2.000.000.000	(706.758.659)	1.293.241.341
Cộng	**15.300.000.000**	**(1.084.834.409)**	**14.215.165.591**	**15.300.000.000**	**(706.758.659)**	**14.593.241.341**

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập.

(**): Khoản dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9 và Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon được Công ty trích lập dựa trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước và Công ty kiểm toán độc lập khác.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102626727 ngày 03/01/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty đã có 9 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Trong năm, Công ty cung cấp dịch vụ xây lắp, làm thầu phụ cho một số công trình của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp.

- Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0107511409 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/07/2016. Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế và xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Trong năm, Công ty sử dụng dịch vụ cho thuê văn phòng của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp.

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102974347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/10/2008.Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Trong năm, Công ty sử dụng dịch vụ cho thuê văn phòng của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp.

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0314178308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2016. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Công ty được thành lập trên cơ sở bàn giao tài sản từ Chi nhánh Xí nghiệp Xây dựng số 9 và hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường. Trong năm, Công ty cung cấp dịch vụ xây lắp, làm thầu phụ cho một số công trình của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Đội xây lắp của Ông Phạm Ngọc Quynh (XN1)	3.223.182	3.223.182
Các đối tượng khác (XN5)	5.000.000	5.000.000
Cộng	**8.223.182**	**8.223.182**

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác	***27.242.575.217***	***(1.912.776.222)***	***30.493.198.470***	***(1.912.776.222)***
Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc	192.698.000	(192.698.000)	192.698.000	(192.698.000)
Công ty Xây lắp hoá chất H76	539.872.990	(539.872.990)	539.872.990	(539.872.990)
Công ty CP Công nghiệp và Xây dựng Thăng Long	390.949.581	(390.949.581)	390.949.581	(390.949.581)
Phải thu các đội, đơn vị trực thuộc và phải thu khác	26.119.054.646	(789.255.651)	29.369.677.899	(789.255.651)
Tạm ứng	***512.917.093***	-	***506.417.093***	-
Nguyễn Ngọc Thanh	231.500.000	-	225.000.000	-
Phan Hữu Nam	181.769.551	-	181.769.551	-
Đối tượng khác	99.647.542	-	99.647.542	-
Dư nợ TK 338	***197.509.529***	-	***18.305.919***	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	17.908.601	-
Vũ Văn Tấn	102.185.735	-	322.408	-
Nguyễn Ngọc Dũng	74.909	-	74.909	-
Vũ Văn Quyền	92.447.975	-	-	-
Các đối tượng khác	2.800.910	-	1	-
Cộng	**27.953.001.839**	**(1.912.776.222)**	**31.017.921.482**	**(1.912.776.222)**

b) Phải thu khác là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2 .*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
Trường Phổ thông trung học Phúc Trạch (XN18)	192.719.000	-	192.719.000	-
Công ty CP Xây dựng công nghiệp dân dụng 36 (XN4)	607.637.843	-	607.637.843	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc	192.698.000	-	192.698.000	-
Công ty Xây lắp hoá chất H76	539.872.990	-	539.872.990	-
Công ty CP Công nghiệp và Xây dựng Thăng Long	390.949.581	-	390.949.581	-
Công ty Bông Mai (XN5)	781.880.000	-	781.880.000	-
Nguyễn Quốc Việt(XN7)	269.783.125	-	269.783.125	-
Lê Đình Ân (XN7)	254.074.526	-	254.074.526	-
Các đối tượng khác	465.966.018		465.966.018	
Cộng	**3.695.581.083**	**-**	**3.695.581.083**	**-**

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	31.930.127.139	-	38.704.813.633	-
Cộng	**31.930.127.139**	**-**	**38.704.813.633**	**-**

(*): bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình Ủy ban nhân dân Mai Động, Viện Năng lượng và một số các công trình khác của XNXD số 1.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2019	**3.082.709.074**	**3.082.709.074**
Số dư ngày 31/12/2019	**3.082.709.074**	**3.082.709.074**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2019	**-**	**-**
Số dư ngày 31/12/2019	**-**	**-**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2019	**3.082.709.074**	**3.082.709.074**
Tại ngày 31/12/2019	**3.082.709.074**	**3.082.709.074**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2019	**8.408.126.697**	**7.570.790.627**	**2.533.640.876**	**243.077.273**	**18.755.635.473**
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.629.849.041)	(1.035.910.099)	-	**(2.665.759.140)**
Số dư ngày 31/12/2019	**8.408.126.697**	**5.940.941.586**	**1.497.730.777**	**243.077.273**	**16.089.876.333**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư ngày 01/01/2019	**6.198.489.876**	**7.568.890.627**	**2.533.640.876**	**227.261.161**	**16.528.282.540**
Khấu hao trong năm	308.654.228	1.900.000	-	8.300.000	**318.854.228**
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.629.849.041)	(1.035.910.099)	-	**(2.665.759.140)**
Số dư ngày 31/12/2019	**6.507.144.104**	**5.940.941.586**	**1.497.730.777**	**235.561.161**	**14.181.377.628**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	**2.209.636.821**	**1.900.000**	-	**15.816.112**	**2.227.352.933**
Tại ngày 31/12/2019	**1.900.982.593**	-	-	**7.516.112**	**1.908.498.705**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.930.727.624 VND.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Đội xây dựng của Ông Lê Văn Bên	879.977.031	879.977.031	1.339.074.327	1.339.074.327
Đội Xây dựng số 2 - Trần Mạnh Toàn	2.369.983.093	2.369.983.093	3.770.201.404	3.770.201.404
Đội Xây dựng số 6 - Hoàng Bảo Ngọc	3.924.588.873	3.924.588.873	4.010.462.793	4.010.462.793
Đội Xây dựng số 8 - Ngô Xuân Hùng	141.418.712	699.225.227	699.225.227	699.225.227
Đội Xây dựng của Ông Trần Văn Phú	944.787.574	1.130.719.574	1.130.719.574	1.130.719.574
Đội xây dựng của Ông Phạm Khắc Cảnh	166.969.222	166.969.222	247.358.517	247.358.517
Đội xây dựng của Ông Phạm Thanh Nam	1.600.737.295	1.600.737.295	1.617.912.079	1.617.912.079
Đội xây dựng của Ông Nguyễn Hữu Quý	104.466.821	104.466.821	8.050.009.185	8.050.009.185
Đội xây lắp của Ông Trần Hoàng Nguyên (XN1)	7.940.995.194	10.594.371.555	10.594.371.555	10.594.371.555
Đội xây lắp của Ông Nguyễn Anh Tuấn (XN1)	1.598.618.536	2.351.779.528	2.351.779.528	2.351.779.528
Đội xây lắp của Ông Vũ Văn Tấn (Xí nghiệp 1)	10.199.322.626	13.461.854.801	13.461.854.801	13.461.854.801
Đội xây lắp của Ông Lương Xuân Bằng (Xí nghiệp 1)	6.180.203.111	11.589.179.727	11.589.179.727	11.589.179.727
Đội xây lắp của Ông Trần Gia Hưng (Xí nghiệp 1)	2.861.119.923	6.165.894.455	6.165.894.455	6.165.894.455
Phải trả các đội Xí nghiệp 7	8.860.662.215	7.451.665.364	7.451.665.364	7.451.665.364
Các đối tượng khác	12.124.764.419	12.124.764.419	8.002.546.456	8.002.546.456
Cộng	**59.898.614.645**	**74.616.176.985**	**80.482.254.992**	**80.482.254.992**

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Viện Năng lượng	-	1.825.972.284
Các đối tượng khác	-	917.400.000
Cộng	**-**	**2.743.372.284**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra (*)	223.144.752	671.283.930	79.219.826	815.208.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	945.463.193	312.079.542	1.054.915.276	202.627.459
Thuế thu nhập cá nhân	34.888.434	51.753.358	23.703.502	62.938.290
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	99.804.258	99.804.258	-
Thuế môn bài	1.000.000	3.000.000	4.000.000	-
Cộng	**1.204.496.379**	**1.137.921.088**	**1.261.642.862**	**1.080.774.605**
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	87.042.699	-	18.272.727	105.315.426
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	11.768.585	11.768.585	-	-
Thuế khác	2.000.000	-	-	2.000.000
Cộng	**100.811.284**	**11.768.585**	**18.272.727**	**107.315.426**

(*): Số thuế GTGT phải nộp phát sinh trong năm 2019 với giá trị: 79.219.826 đồng, là số thuế phải nộp bổ sung cho năm 2018 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành V.

(**): Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2019 bao gồm: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty: 172.806.430 đồng, của Xí nghiệp Xây dựng số 1 là: 230.951 đồng và 139.042.161 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp bị điều chỉnh và nộp truy thu theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước hoặc do Công ty phát hiện sai sót qua quá trình kiểm tra . Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu này không tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mà sẽ thu lại của các đội thi công giao khoán, các cá nhân và đơn vị có liên quan.

13. Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay tiền khối lượng công trình	381.788.259	386.371.217
Chi phí công trình gói 2 - Tổng cục Cảnh sát	960.714.675	960.714.675
Cộng	**1.342.502.934**	**1.347.085.892**

14. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng và ki-ốt nhận trước	321.254.545	337.436.363
Cộng	**321.254.545**	**337.436.363**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

15. Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	**90.004.930**	**119.967.942**
Bảo hiểm xã hội	**5.864.433**	**21.268.917**
Các khoản phải trả khác	**17.962.629.016**	**14.663.460.548**
Đội trưởng và chủ nhiệm công trình theo hợp đồng giao khoán	519.218.784	896.858.107
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng số 3	41.467.055	41.467.055
Công ty CP Đầu tư và xây dựng 24	463.920.787	371.847.462
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng số 9	2.927.088.535	598.696.000
Các khoản phải trả khác của Xí nghiệp Xây dựng số 1	2.699.868.757	2.631.428.548
Các khoản phải trả khác của Xí nghiệp Xây dựng số 5	3.924.819.271	3.323.256.170
Các khoản phải trả khác của Xí nghiệp Xây dựng số 7	4.941.604.650	4.930.045.228
Các đối tượng khác	2.444.641.177	1.869.861.978
Cộng	**18.058.498.379**	**14.804.697.407**

b) Phải trả khác là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2 .*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2018	**40.000.000.000**	**758.266.000**	**3.227.330.000**	**6.664.409.724**	**50.650.005.724**
- Lãi trong năm trước	-	-	-	3.674.066.758	**3.674.066.758**
- Xí nghiệp số 1 trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.704.132)	**(2.704.132)**
- Chia cổ tức	-	-	-	(1.200.000.000)	**(1.200.000.000)**
- Giảm khác	-	-	-	(1)	**(1)**
Số dư tại ngày 31/12/2018	**40.000.000.000**	**758.266.000**	**3.227.330.000**	**9.135.772.349**	**53.121.368.349**
- Lãi trong năm nay	-	-	-	608.149.522	**608.149.522**
- Xí nghiệp số 1 trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.323.242)	**(1.323.242)**
- Chia cổ tức	-	-	-	(1.200.000.000)	**(1.200.000.000)**
- Giảm khác	-	-	-	(2.380.427.023)	**(2.380.427.023)**
Số dư tại ngày 31/12/2019	**40.000.000.000**	**758.266.000**	**3.227.330.000**	**6.162.171.606**	**50.147.767.606**

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	14.400.000.000	14.400.000.000
Vốn của các đối tượng khác	25.600.000.000	25.600.000.000
Cộng	**40.000.000.000**	**40.000.000.000**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16.3 Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

16.4 Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*4.000.000*	*4.000.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*4.000.000*	*4.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

16.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa có
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

16.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2019
Quỹ đầu tư phát triển	3.227.330.000	-	-	3.227.330.000
Cộng	**3.227.330.000**	**-**	**-**	**3.227.330.000**

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Trong năm Công ty không trích lập bổ sung quỹ này.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu		
Doanh thu từ hoạt động xây lắp	74.013.734.956	87.374.904.228
Doanh thu khác	1.938.291.853	5.524.536.786
Cộng	**75.952.026.809**	**92.899.441.014**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn từ hoạt động xây lắp	73.116.580.140	85.083.530.680
Giá vốn khác	425.554.695	652.005.745
Cộng	**73.542.134.835**	**85.735.536.425**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.070.515.955	1.436.825.995
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	100.072.000
Cộng	**1.070.515.955**	**1.536.897.995**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay tiền khối lượng công trình	313.812.917	797.722.266
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	378.075.749	-
Cộng	**691.888.666**	**797.722.266**

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	2.279.679.930	3.166.170.768
Thuế, phí và lệ phí	4.183.128	10.472.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	326.890.913	325.588.401
Chi phí bằng tiền khác	723.049.115	399.976.846
Cộng	**3.333.803.086**	**3.902.208.098**

6. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản cố định	390.909.091	-
Thu nhập từ bán thanh lý vật tư công trình Trường Tiểu học Thành Công	428.414.274	-
Thu nhập từ tiền cho thuê thương hiệu	849.831.371	414.059.687
Thu nhập từ tiền điện dùng chung	234.048.254	100.147.562
Bán thanh lý thép của Công trình Viện Năng lượng	-	120.160.031
Thu nhập khác	327.351.632	775.870.054
Cộng	**2.230.554.622**	**1.410.237.334**

7. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí tiền điện dùng chung	233.856.790	100.147.562
Chi phí bán thanh lý vật tư công trình Trường Tiểu học Thành Công	428.414.274	-
Chi phí thép bán thanh lý của Công trình Viện Năng lượng	-	120.160.031
Các chi phí khác	241.812.832	571.110.015
Cộng	**904.083.896**	**791.417.608**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	79.253.097.386	95.846.576.343
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	*79.253.097.386*	*95.559.827.387*
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	*286.748.956*
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	78.471.910.483	91.226.884.397
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	*78.387.910.483*	*91.136.884.397*
Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp	*84.000.000*	*90.000.000*
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	865.186.903	4.422.942.990
Thu nhập từ điều chỉnh doanh thu dự án năm 2015	-	*3.051.829.517*
Thu nhập năm 2018 chịu thuế TNDN 20%	*865.186.903*	*1.371.113.473*
Thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với thu nhập phát sinh năm 2015	-	22%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	-	671.402.494
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	173.037.381	274.222.695
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018	173.037.381	945.625.188

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	608.149.522	3.674.066.758
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	608.149.522	3.674.066.758
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	1.323.242	2.704.132
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	151,71	917,84

(*): Quỹ Khen thưởng phúc lợi Xí nghiệp Xây dựng số 1 tạm trích trong năm 2019 phần lợi nhuận vượt theo quy chế tài chính .

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.525.106.158	23.406.071.061
Chi phí nhân công	4.840.142.901	13.012.606.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	318.854.228	403.939.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.329.354.591	18.190.553.183
Chi phí khác bằng tiền	1.155.133.870	518.227.719
Cộng	**78.168.591.748**	**55.531.397.878**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	Đơn vị góp vốn
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC	Công ty liên kết
Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
2.1 Mua hàng	***54.421.161.991***	***16.205.626.914***
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC	45.310.669.358	7.448.689.935
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9	9.110.492.633	8.756.936.979
2.2 Bán hàng	***1.266.603.515***	***981.364.435***
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC	713.772.279	382.488.409
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9	336.116.472	336.116.472
Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp	115.367.564	134.077.844
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3	101.347.200	128.681.710

2.2 Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương và các khoản phụ cấp	354.720.000	406.280.000

2.3 Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản phải thu	**2.181.325.061**	**2.104.252.905**
Phải thu khách hàng	***1.989.004.424***	***1.989.004.424***
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	1.989.004.424	1.989.004.424

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Phải thu khác	***192.320.637***	***115.248.481***
Công ty CP Hạ tầng - CN Gia định	13.500.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3	1.115.363	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9	1.890.600	66.895.434
Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp	175.814.674	48.353.047
Các khoản phải trả	**1.686.293.275**	**1.052.783.606**
Phải trả khác	***1.639.416.158***	***1.012.010.517***
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC	463.920.787	371.847.462
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3	41.467.055	41.467.055
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9	1.134.028.316	598.696.000
Dư Có TK 138	***46.877.117***	***40.773.089***
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC	6.104.028	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9	40.773.089	40.773.089

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu (các cổ đông) thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Công nợ tài chính

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	10.256.152.265	14.823.191.718
Nợ thuần	(10.256.152.265)	(14.823.191.718)
Vốn chủ sở hữu	50.147.767.606	53.121.368.349
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV - Các chính sách kế toán áp dụng của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.256.152.265	14.823.191.718
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.836.598.247	75.066.426.365
Các khoản đầu tư tài chính	3.415.165.591	3.793.241.341
Cộng	**76.507.916.103**	**93.682.859.424**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	77.957.113.024	95.286.952.399
Chi phí phải trả	1.342.502.934	1.347.085.892
Cộng	**79.299.615.958**	**96.634.038.291**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	77.957.113.024	-	**77.957.113.024**
Chi phí phải trả	1.342.502.934	-	**1.342.502.934**
Các khoản vay	-	-	-

01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	95.286.952.399	-	**95.286.952.399**
Chi phí phải trả	1.347.085.892	-	**1.347.085.892**
Các khoản vay	-	-	-

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.256.152.265	-	**10.256.152.265**
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.836.598.247	-	**62.836.598.247**
Các khoản đầu tư tài chính	-	3.415.165.591	**3.415.165.591**

01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.823.191.718	-	**14.823.191.718**
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.066.426.365	-	**75.066.426.365**
Các khoản đầu tư tài chính	-	3.793.241.341	**3.793.241.341**

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Mai Thùy Trang	Ngô Tuyết Minh	Phạm Hùng